

**TOÀ ÁN ND HUYỆN NGA SƠN  
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2021/DS-ST

Ngày: 18-8-2021

V/v: tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGA SƠN, TỈNH THANH HÓA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Huệ

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Ngọc Bình.

2. Bà Nguyễn Thị Minh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phan Thanh Tùng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 18 tháng 8 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2021/TLST-DS ngày 23 tháng 4 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2021/QĐXX-ST ngày 26 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: Bà Lương Thị H - Sinh năm 1968;

Địa chỉ: Ki ốt số 15, chợ huyện Nga Sơn, thị trấn Nga Sơn, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa (có mặt);

\* Bị đơn: Chị Trần Thị Y - Sinh năm 1995;

Địa chỉ: Thôn Yên Ninh, xã Nga Y, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa (có mặt);

\* Người làm chứng: Bà Phạm Thị X - sinh năm 1968;

Địa chỉ: Tiểu khu Yên Hạnh 2, thị trấn Nga Sơn, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa; (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 22/4/2021, bản tự khai nguyên đơn trình bày: Do có quan hệ quen biết với bà Phạm Thị X, ngày 11/6/2019, chị Trần Thị Y và bà X đến nhà bà, chị Y hỏi vay bà số tiền 160.000.000đ. Khi cho chị Y vay tiền, bà H viết giấy biên nhận vay tiền, có chữ ký và viết tên của bà H (mục người cho vay), chị Y (mục người vay), bà X (mục người làm chứng); về lãi suất: các bên không thỏa thuận trong giấy vay; thời hạn vay là 01 tháng. Tuy nhiên, quá thời hạn vay, chị Y không có động thái trả nợ, bà đã thông báo cho chị Y nhiều lần, nhưng chị Y không thực hiện. Nay bà đề nghị Tòa án xem xét giải quyết buộc chị Y thanh toán tiền nợ gốc đã vay 160.000.000đ; lãi suất bà yêu cầu tính từ 11/6/2019 đến khi vụ án được giải quyết, mức lãi suất là 1%/tháng.

Tại biên bản hòa giải ngày 23/7/2021, bà Hoa trình bày: Số tiền gốc chị Y nợ của bà là 160.000.000đ; lãi suất tính từ ngày 11/6/2019 đến ngày 23/7/2021 bà đồng ý tính tròn là 25 tháng, mức lãi suất 1%/tháng; số tiền lãi là 40.000.000đ; tổng cộng tiền nợ gốc và lãi là 200.000.000đ, bà yêu cầu chị Y trả số tiền nợ trên.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải, chị Y trình bày: Do mối quan hệ quen biết từ mẹ chị nên chị và mẹ đến nhà bà H vay số tiền là 160.000.000đ. Chị đồng ý nợ số tiền vay của bà H như giấy vay tiền ngày 11/6/2019 là đúng. Về lãi suất trong giấy vay không ghi nhưng hàng tháng chị phải thanh toán cho bà H là 6.000.000đ/tháng. Do tin tưởng nên chị cũng không có giấy tờ, sổ sách theo dõi việc trả lãi tháng. Về tiền nợ gốc chị đã trả bà Hoa được 64.000.000đ, nhưng không có giấy tờ biên nhận việc trả nợ; ngày, tháng, năm trả nợ tiền gốc chị cũng không nhớ. Do kinh tế gặp khó khăn, chị phải bán nhà trả nợ. Sau đó, chị đã mang số tiền nợ gốc còn lại ra trả, bà H không đồng ý nhận tiền, bà H yêu cầu chị trả thêm tiền lãi. Vì điều kiện kinh tế khó khăn, chị không có khả năng trả được nên đã mang tiền về. Ngày 23/7/2021, Tòa án hòa giải, chị cũng nhất trí về tiền nợ gốc đã vay và mức lãi suất bà H đang yêu cầu. Chị đề nghị bà H cho thời gian để chị thu xếp trả nợ, nhưng bà H không đồng ý.

Do các đương sự không thống nhất được việc giải quyết vụ án. Vì vậy, Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà H vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện về tiền nợ gốc và tiền lãi suất (tính từ 11/6/2019 đến 18/8/2021) là 26 tháng 07 ngày, nhưng chị đồng ý tính tròn là 26 tháng x 1%/tháng x 160.000.000đ; Đối với bị đơn, chị Y không nhất trí về số tiền nợ gốc như bà H đang yêu cầu. Chị đồng ý tiền nợ gốc còn lại là 96.000.000đ; về mức lãi suất và tháng tính lãi suất: chị đồng ý nhưng chị đề nghị xin lãi suất; về phương thức trả nợ chị đề nghị bà H cho chị thời gian để trả nợ dần.

Đối với người làm chứng là bà Phạm Thị X, vắng mặt tại phiên tòa, bà H, chị Y đều đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định. Căn cứ vào Điều 229 của BLTTDS, HĐXX xét xử vắng mặt bà X.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

\* Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn.

\* Về nội dung vụ án:

[1] Xét yêu cầu của Nguyên đơn: Theo giấy biên nhận vay tiền, đề ngày 11/6/2019 thể hiện bà H cho chị Y vay tổng số tiền gốc là 160.000.000đ; lãi suất không thỏa thuận trong giấy vay; thời hạn vay 01 tháng. Hai bên có ký và viết họ tên đầy đủ. Quá trình vay, chị Y không thực hiện đúng cam kết trả nợ nên bà H yêu cầu

chị Y thanh toán tiền nợ gốc 160.000.000đ; lãi suất tính từ 11/6/2019 đến 18/8/2021 là 26 tháng 07 ngày, nhưng bà yêu cầu tính tròn là 26 tháng, mức lãi suất là 1%/tháng.

[2] Xét yêu cầu của bị đơn: Quá trình vay chị Y trình bày đã trả được 64.000.000đ cho bà H. Tuy nhiên, về ngày tháng năm trả nợ chị không nhớ và giấy biên nhận trả tiền chị lại không có nên không xuất trình cho Tòa án làm căn cứ. Chị Y thừa nhận đã vay bà H tiền gốc là 160.000.000đ theo giấy vay ngày 11/6/2019, nhưng chị đề nghị HĐXX xem xét số tiền chị đã trả cho bà H 64.000.000đ và số tiền gốc còn nợ lại là 96.000.000đ; về lãi suất 1%/tháng; về thời gian tính lãi suất bà H yêu cầu từ ngày 11/6/2019 đến ngày 18/8/2021, bà H tính tròn 26 tháng, chị đồng ý. Về thời gian trả nợ chị xin bà H để trả nợ dần.

[3] Xét việc vay và trả nợ của các đương sự:

\* Về tiền nợ gốc: Trên cơ sở các đương sự trình bày, Hội đồng xét xử thấy rằng: Về số tiền gốc vay 160.000.000đ, khi vay các bên thể hiện có giấy tờ vay và ký nhận. Như vậy, việc vay tiền giữa bà H và chị Y là hoàn toàn thực tế. Quá trình vay, chị Y trình bày đã trả cho bà H được 64.000.000đ, về ngày tháng trả nợ bị đơn không nhớ, giấy biên nhận nợ không có. Do đó, bị đơn đề nghị đối trừ số tiền 64.000.000đ trong tổng số tiền nợ gốc 160.000.000đ đã vay của nguyên đơn là không có căn cứ xem xét.

Về phương thức trả nợ: Bị đơn yêu cầu xin được trả nợ dần cho nguyên đơn là không có căn cứ để chấp nhận.

\* Về lãi suất: Bà H đề nghị thời gian tính lãi suất (từ 11/6/2019 đến 18/8/2021) là 26 tháng 07 ngày. Nhưng bà đồng ý tính tròn 26 tháng; mức lãi suất 1%/tháng, cụ thể:  $160.000.000đ \times 1\% \times 26 \text{ tháng} = 41.600.000đ$  là phù hợp và có căn cứ nên được HĐXX chấp nhận xem xét.

\* Từ những căn cứ trên, số tiền gốc chị Y nợ bà H là 160.000.000đ; tiền lãi là 41.600.000đ. Tổng cộng: tiền gốc và tiền lãi buộc chị Y phải thanh toán cho bà H là 201.600.000đ (*Hai trăm linh một triệu sáu trăm nghìn đồng*).

[6] Về án phí: Chị Trần Thị Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (201.600.000đ x 5%) theo quy định.

Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà Lương Thị H đã nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 229; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 465; Điều 466; Điều 468 và Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và danh mục án phí kèm theo.

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lương Thị H. Buộc chị Trần Thị Y có nghĩa vụ trả cho bà Lương Thị H số tiền nợ gốc là 160.000.000đ; tiền lãi là 41.600.000đ. Tổng cộng là 201.600.000đ (*Hai trăm linh một triệu sáu trăm nghìn đồng*).

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.*

2/ Về án phí: Chị Trần Thị Y phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm (DSST) là 10.080.000đ (*Mười triệu không trăm tám mươi nghìn đồng*).

Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí bà Lương Thị H đã nộp 4.880.000đ theo biên lai thu số AA/2019/0011034 ngày 23/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa

3/ Quyền kháng cáo: Bà H, chị Y có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Nga Sơn;
- Các đương sự;
- Phòng GD- KT Tòa án tỉnh;
- Chi cục THADS huyện Nga Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Huệ**

